TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT** **TỈNH ĐẮK LẮK**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 175/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 26 – 9 – 2022
V/v: Tranh chấp về hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT

- Với Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hải An.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Hưng.

2. Bà Nguyễn Thị Bạn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Bích Dịu - Thư ký Toà án.

Ngày 26 tháng 9 năm 2022, tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 629/2022/TLST-HNGĐ ngày 22/7/2022 về *"Tranh chấp hôn nhân và gia đình"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 193/2022/QĐST-HNGĐ ngày 07/9/2022 giữa:

- *Nguyên đơn***:** Chị Trần Thị Thanh T - Sinh năm: 1991 (Vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

Nơi đăng ký HKTT: Thôn x, xã K, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Địa chỉ liên hệ: Số xcv đường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

- *Bị đơn:* Anh Dương N – sinh năm: 1987 (Vắng mặt).

Trú tại: Số nhà vc đường C, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện và quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn chị Trần Thị Thanh T trình bày:

Tôi và anh Dương N chung sống với nhau từ năm 2017 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã K, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Chúng tôi đã có 01 con chung là cháu Dương Nhật M – sinh ngày 13/10/2017.

Quá trình chung sống, giữa vợ chồng phát sinh mâu thuẫn từ khoảng năm 2020. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống về mọi mặt, bản thân anh N không chăm lo làm ăn. Do tình cảm, mâu thuẫn giữa vợ chồng đã không thể hàn gắn và không thể tiếp tục chung sống được nữa nên tôi đề nghị Tòa án xem xét giải quyết cho tôi được ly hôn với anh Dương N.

Về con chung: Hiện nay, con chung là cháu Dương Nhật M đang do anh Dương N nuôi dưỡng trực tiếp. Tôi đồng ý để anh Dương N tiếp tục nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con: Chúng tôi tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết.Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn anh Dương N trình bày: Tôi và cô Trần Thị Thanh T chung sống với nhau từ năm 2017 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã K, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Chúng tôi đã có 01 con chung là cháu Dương Nhật M – sinh ngày 13/10/2017.

Quá trình chung sống vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm về lối sống. Chúng tôi đã cố gắng hòa giải, níu kéo nhưng không được. Nay cô Trần Thị Thanh T xin ly hôn thì tôi đồng ý ly hôn.

Về con chung: Tôi có nguyện vọng xin trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Về cấp dưỡng nuôi con: Chúng tôi tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền:

Nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết xin ly hôn và giải quyết việc nuôi dưỡng con chung, đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Căn cứ vào lời trình bày của đương sự và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã đủ cơ sở để xác định: Chị Trần Thị Thanh T và anh Dương N chung sống với nhau và có tiến hành đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã K, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk theo Giấy chứng nhận số 125/2017 ngày 10/10/2017. Do vậy, đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Quá trình giải quyết vụ án, các đương sự đều thừa nhận trong thời gian chung sống đã phát sinh những mâu thuẫn mà cho đến nay không thể hòa giải và hàn gắn được. Xét mâu thuẫn gia đình giữa chị Trần Thị Thanh T và anh Dương N đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Trần Thị Thanh T.

Về con chung: Các đương sự có 01 con chung là cháu Dương Nhật M – sinh ngày 13/10/2017. Quá trình giải quyết vụ án, các đương sự đều có ý kiến giao con chung cho anh Dương N trực tiếp nuôi dưỡng. Xét ý kiến của các đương sự về việc nuôi dưỡng con chung là phù hợp nên cần chấp nhận yêu cầu giao cháu Dương Nhật M – sinh ngày 13/10/2017 cho anh Dương N trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con chung, tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3] Về án phí: Nguyên đơn chị Trần Thị Thanh T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ: khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 144; Điều 147; khoản 1 Điều 227; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng: Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 85, Điều 110, Điều 116, Điều 119 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Áp dụng: khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

[2] Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Trần Thị Thanh T. Chị Trần Thị Thanh T được ly hôn với anh Dương N.

- Về con chung: Giao con chung là cháu Dương Nhật M – sinh ngày 13/10/2017 cho anh Dương N trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi thành niên.

Chị Trần Thị Thanh T có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

- Về cấp dưỡng nuôi con chung, tài sản chung, nợ chung: Không đặt ra xem xét, giải quyết.

- Về án phí: Nguyên đơn chị Trần Thị Thanh T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu số AA/2021/0019914 ngày 20/7/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự Thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

[3] Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Thị Hải An

Nơi nhận:
- Tòa án ND Tỉnh Đắk Lắk;
- VKS ND Tp.BMT;
- VKS ND tỉnh Đắk Lắk;
- Chi cục THADS Tp.BMT;
- UBND xã Hòa Khánh, Tp.BMT
- Các đương sự;
- Lưu HS.